

BIỂU TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU VỀ LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM
(Tính đến tháng 4 năm 2023)

(kèm theo BC số: /BC - UBND ngày tháng 4 năm 2023 của UBND xã Quang Khải)

STT	Thôn, khu dân cư	Số nhân khẩu (người)	Tổng số lao động trong độ tuổi lao động (người)	Lực lượng lao động												
				Tổng số lực lượng lao động (người)	Lao động chia theo ngành						Số lao động có việc làm thường xuyên (người)	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên (%)	Số lao động qua đào tạo (người)	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%)	Số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (người)	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (%)
					Nông nghiệp, thủy sản		Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp		Dịch vụ							
					Số lao động	Tỷ lệ %	Số lao động	Tỷ lệ %	Số lao động	Tỷ lệ %						
A	B	C	D	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)	(4)	(5)=(4)/(1)	(6)	(7)=(6)/(1)	(8)	(9)=(8)/(1)	(10)	(11)=(10)/(1)	(12)	(13)=(12)/(1)
1	Thôn Tân Quang	1535	831	1 181	255	21,60	425	36,00	143	12,10	823	69,7	846	71,60	419	35,5
2	Thôn Nhữ Tinh	3446	2 013	2 389	847	35,50	994	41,60	188	7,90	1 999	83,70	1 614	67,60	1 185	49,6
3	Thôn Vũ Xá	1273	828	1 178	330	28,00	366	31,00	124	10,50	816	69,3	858	72,80	431	36,6
	TỔNG CỘNG	6 254	3 672	4 748	1 432		1 785		455		3 638		3 318		2035	40,56

Ghi chú: Lực lượng lao động bao gồm những người có hộ khẩu tại xã/thị trấn; đang sinh sống trên địa bàn xã/tt, từ đủ 15 tuổi trở lên, có tham gia các hoạt động kinh tế trong thời gian tham chiếu (07 ngày trước thời điểm quan sát)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

NGƯỜI LẬP

Phùng Trọng Quang